










Bản tin Pháp chế

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

	Trong số này:	Trang
	I. Quy định mới	2
	 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 3 năm 2017	
	II. Điểm tin văn bản pháp luật	3
	 Thông tư số 20/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính (Đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính);  Thông tư số 23/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 Hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;  Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội;  Quyết định số 165/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	
	III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ	8
	 Công văn số 901/TCT-TNCN về chính sách thuế thu nhập cá nhân;  Công văn số 998/BHXH-CSXH về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;	
	IV. Danh mục văn bản nội bộ	10

QUY ĐỊNH MỚI

1. Bất động sản		Chứng khoán
Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội		Thông tư số 23/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 Hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh
2. Xuất nhập khẩu		6. Thuế, Phí, Lệ phí
Thông tư số 20/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính (Đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính).		Công văn số 901/TCT-TNCN về chính sách thuế thu nhập cá nhân
3. Văn hóa - Xã hội		5. Bảo hiểm
Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 về việc Ban hành quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.		Công văn số 998/BHXH-CSXH về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Thông tư sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ

Ngày 06/3/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 20/2017/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính)

Theo đó, sửa đổi quy định liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt, cụ thể như sau:

“2. Người nộp thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế TTĐB tính được ở khâu bán ra trong nước. Đối với số thuế TTĐB không được khấu trừ thuế, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều kiện khấu trừ thuế TTĐB được quy định như sau:

- Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu.

- Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; Bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).

+ Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là hóa đơn GTGT khi mua hàng. Số thuế TTĐB mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế TTĐB nhân (x) thuế suất thuế TTĐB; trong đó:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá mua chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{\text{(thể hiện trên hóa đơn GTGT)}} \times 1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

Việc khấu trừ tiền thuế TTĐB được thực hiện khi kê khai thuế TTĐB, thuế TTĐB phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Số thuế TTĐB của hàng hóa chịu thuế TTĐB được bán ra trong kỳ} - \text{Số thuế TTĐB đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế TTĐB đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ.}$$

Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế TTĐB đã nộp (hoặc đã trả) cho số nguyên vật liệu tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế TTĐB được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý, cuối năm. Trong mọi trường hợp, số thuế TTĐB được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế TTĐB tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm. Cơ sở sản xuất phải đăng ký định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở.

Ví dụ 12: Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở A phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

+ Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.

+ Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.

+ Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu nước rượu phân bổ cho 9.000 chai rượu đã bán ra là 150 triệu đồng.

Số thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ là:

350 triệu đồng - 150 triệu đồng = 200 triệu đồng.

Ví dụ 13: Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở B phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ A công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở

khâu nhập khẩu).

+ Xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, số thuế TTĐB phát sinh khi bán ra trong nước là 120 triệu đồng.

Số thuế TTĐB cơ sở B phải nộp trong kỳ là:

120 triệu đồng - 100 triệu đồng = 20 triệu đồng.

Ví dụ 14: Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở B phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ X công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

+ Xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ là 90 triệu đồng.

Cơ sở B được khấu trừ số thuế TTĐB là 90 triệu đồng. Đối với số thuế TTĐB không được khấu trừ (10 triệu đồng), cơ sở B được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất xăng E5, E10, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế TTĐB được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết trong kỳ của xăng E5, E10 được bù trừ với số thuế TTĐB phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác.

Người nộp thuế TTĐB thực hiện nộp Tờ khai thuế TTĐB theo Mẫu số 01/TTĐB và Bảng xác định thuế TTĐB được khấu trừ (nếu có) của nguyên liệu mua vào, hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 01-1/TTĐB) được ban hành kèm theo Thông tư này”.



Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 112016/TT-BTC ngày 19/01/2016 Hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh

Ngày 16/3/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 23/2007/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 Hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Theo đó, các điều khoản được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 24 Điều 2 như sau:

“24. Tài khoản giao dịch tổng là tài khoản giao dịch của nhà đầu tư mà các vị thế mua và bán của cùng một hợp đồng tương lai (có cùng tài sản cơ sở và cùng tháng đáo hạn) được mở và duy trì cho đến khi thành viên bù trừ có đề nghị thực hiện đối trừ trên cơ sở thỏa thuận hoặc yêu cầu của nhà đầu tư.”

2. Điểm c khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c. Nhà đầu tư phải đảm bảo vị thế trên tài khoản giao dịch trong giới hạn vị thế theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Trường hợp vượt giới hạn vị thế, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đối ứng để giảm vị thế, bổ sung ký quỹ (nếu cần thiết) trong thời hạn theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Sau thời hạn quy định, nhà đầu tư không hoàn tất việc giảm vị thế thì thành viên bù trừ được thực hiện lệnh giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của nhà đầu tư. Trường hợp thành viên bù trừ không thực hiện giao dịch đối ứng để đóng vị thế của nhà đầu tư, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được thực hiện lệnh giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của nhà đầu tư đứng tên thành viên bù trừ.”

3. Bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Nhà đầu tư được mở tài khoản giao dịch tổng trong các trường hợp sau:

a. Công ty quản lý quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này được mở một (01) tài khoản giao dịch tổng cho nhà đầu tư ủy thác trong nước và một (01) tài

khoản giao dịch tổng cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài;

b. Công ty chứng khoán thành lập ở nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều này được mở một (01) tài khoản giao dịch tổng để thực hiện hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh cho các nhà đầu tư nước ngoài;

c. Các trường hợp khác theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.”

4. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thành viên bù trừ mở tài khoản tiền gửi ký quỹ cho nhà đầu tư đứng tên thành viên bù trừ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định số 42/2015/NĐ-CP và có trách nhiệm quản lý tách biệt tiền gửi ký quỹ tới từng nhà đầu tư. Tiền gửi ký quỹ này thuộc sở hữu của nhà đầu tư, không thuộc sở hữu của thành viên bù trừ. Thành viên bù trừ được sử dụng tài khoản tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Thành viên bù trừ mở cho mỗi nhà đầu tư một (01) tài khoản chứng khoán ký quỹ để quản lý tài sản ký quỹ và thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho vị thế trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư. Thành viên không bù trừ, khách hàng môi giới của thành viên không bù trừ mở tài khoản chứng khoán ký quỹ tại thành viên bù trừ chung.”

5. Điểm a, b khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trường hợp thanh toán lãi lỗ vị thế:

- Tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch cuối cùng, giá trị khoản thanh toán lãi lỗ vị thế được xác định hàng ngày trên cơ sở các vị thế mở trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư và chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước; hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày so với giá thanh toán (đối với vị thế vừa mở trong ngày); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước (đối với trường hợp đóng vị thế trước hạn); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán đóng vị thế so với giá thanh toán mở vị thế (đối với trường hợp mở và đóng vị thế trong cùng ngày giao dịch).

- Tại ngày giao dịch cuối cùng, giá trị khoản thanh toán lãi lỗ vị thế được xác định trên cơ sở các vị thế mở trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư và chênh lệch giữa giá thanh toán cuối cùng so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước; hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán cuối cùng so với giá thanh toán (đối với vị thế vừa mở trong ngày); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán so với giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước (đối với trường hợp đóng vị thế trước hạn); hoặc chênh lệch giữa giá thanh toán đóng vị thế so với giá thanh toán

mở vị thế (đối với trường hợp mở và đóng vị thế trong cùng ngày giao dịch cuối cùng).

Các mức giá nêu trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.

b) Trường hợp thanh toán khi thực hiện hợp đồng:

- Đối với hợp đồng thanh toán dưới hình thức bằng tiền: việc thanh toán hợp đồng được hoàn tất khi hoàn tất thanh toán lãi lỗ vị thế của ngày giao dịch cuối cùng.

- Đối với hợp đồng thanh toán dưới hình thức chuyển giao tài sản cơ sở: nhà đầu tư bên bán phải chuyển giao tài sản cơ sở và nhà đầu tư bên mua phải thực hiện thanh toán tiền theo các điều khoản tại hợp đồng và Quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.”

6. Sửa đổi điểm b, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 19 như sau:

“b) Trường hợp thanh toán dưới hình thức chuyển giao tài sản cơ sở: thành viên bù trừ bên bán phải chuyển giao đủ số lượng và đúng loại tài sản cơ sở có thể chuyển giao theo hợp đồng chứng khoán phái sinh vào tài khoản chứng khoán ký quỹ thành viên theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Thành viên bù trừ được sử dụng chứng khoán vay từ hệ thống vay và cho vay chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để thanh toán theo Quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Thành viên bù trừ bên mua chỉ được nhận tài sản chuyển giao sau khi đã thanh toán đủ tiền theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, sau đó phân bổ cho nhà đầu tư bên mua ngay;

c. Trường hợp thành viên bù trừ không đủ tiền để thanh toán hoặc trái phiếu Chính phủ để chuyển giao, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được thực hiện thanh toán hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo hình thức bằng tiền. Trong trường hợp này, thành viên bù trừ không đủ tiền để thanh toán hoặc trái phiếu Chính phủ để chuyển giao có trách nhiệm bồi thường cho thành viên bù trừ liên quan thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, với số tiền có giá trị không thấp hơn 5% giá trị thanh toán hợp đồng. Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam quy định việc xác định giá trị và phương thức thanh toán bồi thường.”

7. Điểm d khoản 2 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Sử dụng khoản đóng góp của các thành viên bù trừ khác theo tỷ lệ do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác định. Trong trường hợp này, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho các thành viên bù trừ liên quan chi tiết về việc sử dụng Quỹ bù trừ ngay trong ngày sử dụng. Thành viên

bù trừ mất khả năng thanh toán có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tài sản đã sử dụng của Quý và thanh toán tiền lãi cho các thành viên khác theo lãi suất do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;”

8. Bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

“5. Trường hợp thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán và đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh toán quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, thành viên bù trừ có trách nhiệm hoàn trả Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam toàn bộ phần tài sản đã sử dụng từ Quỹ bù trừ, Quỹ dự phòng rủi ro và các nguồn khác để đảm bảo thanh toán và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan.”

9. Điểm a khoản 1 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc tháng đối với các báo cáo tháng;”

10. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 28.



Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2017

Xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Ngày 03/3/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND về việc ban hành mới giá xây dựng nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Theo đó, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội sẽ căn cứ vào bảng giá xây dựng mới để bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, doanh

nh nghiệp, cá nhân, đơn cử như:

1. Đối với Nhà ở riêng lẻ, xây dựng biệt thự cao từ 2 đến 5 tầng, tường xây gạch, mái bằng BTCT, đơn giá xây dựng đã bao gồm VAT từ 7.498.000 đến 7.504.000 đồng/m² sàn xây dựng.

2. Đối với các loại nhà xưởng, đơn giá xây dựng đã bao gồm VAT từ 2.527.000 đến 2.675.000 đồng/m² sàn xây dựng.

3. Đối với nhà tam, tường xây gạch 110, cao 3m trở xuống, nền lát gạch xi măng, gạch chỉ hoặc láng xi măng có đánh màu, đơn giá xây dựng đã bao gồm VAT từ 1.045.920 đến 1.713.568 đồng/m² sàn xây dựng.



Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 14/3/2017 và thay thế Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Ngày 10/3/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UBND về quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân làm việc, sinh sống, công tác, tham quan, học tập trên địa bàn thành phố Hà Nội cần thực hiện, đơn cử như:

1. Quy tắc ứng xử chung

NÊN LÀM:

1. *Tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật; nội quy, quy tắc nơi công cộng.*

2. Tôn trọng không gian chung của cộng đồng.
3. Ứng xử lịch thiệp, thân thiện, nhã nhặn, đúng mực.
4. Trang phục lịch sự, phù hợp hoàn cảnh, chuẩn mực xã hội.
5. Quan tâm, nhường nhịn, giúp đỡ người khuyết tật, phụ nữ có thai, người già, trẻ em.
6. Đấu tranh, bảo vệ lẽ phải, người yếu thế; phê phán hành vi sai trái.
7. Tôn trọng, bảo vệ cảnh quan môi trường.

KHÔNG NÊN LÀM:

1. Vi phạm nội quy, quy tắc nơi công cộng.
2. Nói to, gây ồn ào, mất trật tự.
3. Kích động, đe dọa, sử dụng bạo lực.
4. Nói tục, chửi bậy; xúc phạm nhân phẩm, danh dự người khác.
5. Hút thuốc, khạc nhổ, phóng uế tùy tiện.
6. Xả rác thải, chất thải trái nơi quy định.
7. Phá cây xanh, hoa, cỏ, xâm hại cảnh quan.
8. Tự tiện sử dụng không gian, phương tiện, công trình công cộng vào mục đích cá nhân, không đúng quy định.
9. Viết bậy, bôi bẩn lên các công trình công cộng.
10. Thả rông vật nuôi gây nguy hiểm, làm mất vệ sinh nơi công cộng.
11. Sử dụng vũ khí, chất gây nổ trái phép.

2. Tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo**NÊN LÀM:**

1. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Giữ gìn, phát huy nghi thức, giá trị truyền thống.
3. Chấp hành quy định, hướng dẫn tại nơi thờ tự.
4. Đi nhẹ, nói khẽ, giữ gìn trật tự, vệ sinh chung.

KHÔNG NÊN LÀM:

1. Thực hành, ủng hộ mê tín dị đoan.
2. Lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi, xâm hại lợi ích của tập thể, cá nhân.
3. Xâm hại cảnh quan, không gian tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Mặc trang phục hở hang, không phù hợp thuần phong mỹ tục, gây phản cảm.

3. Tại trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, nhà hàng, quán ăn**NÊN LÀM:**

1. Niêm yết giá và nguồn gốc sản phẩm.
2. Cung cấp, trao đổi thông tin, giao tiếp đúng mực.

3. Xếp hàng khi mua bán.
4. Sử dụng bao bì, túi đựng thân thiện với môi trường.

KHÔNG NÊN LÀM:

1. Mua, bán hàng giả, kém chất lượng, hàng độc hại, phi pháp.
2. Nói sai, cân đong gian dối.
3. Gây mất an ninh trật tự.
4. Mua, bán ngoài phạm vi quy định.



Hiệu lực: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

Công văn số 901/TCT-TNCN về chính sách thuế thu nhập cá nhân

Trả lời công văn số 4805/CT-TTHT ngày 13/2/2017 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc giảm trừ gia cảnh, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định về các khoản giảm trừ, trong đó quy định:

d.4) Các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng và đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều này bao gồm:

d.4.1) Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế.

d.4.2) Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế.

d.4.3) Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh ruột, chị ruột, em ruột.

d.4.4) Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật,

đ) Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại các tiết d.2, d.3, d.4, điểm d, khoản 1, Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

đ.1) Đối với người trong độ tuổi lao động phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

đ.1.1) Bị khuyết tật, không có khả năng lao động.

đ.1.2) Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

đ.2) Đối với người ngoài độ tuổi lao động phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng

trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột mà cá nhân người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không thỏa mãn điều kiện là cá nhân không nơi nương tựa thì không đủ điều kiện để người nộp thuế thu nhập cá nhân tính giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế thành phố Hà Nội biết./.

Công văn số 998/BHXH-CSXH về thực hiện hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg) và Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH) Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh), BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân thực hiện các nội dung sau:

I. Về thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

1. Thu BHXH, BHYT, BHTN

1.1. Đối tượng tham gia

Đối tượng đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH mà sau khi đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần tiếp tục giữ chức danh, chức vụ hoặc làm công việc dưới đây tại công ty cổ phần thì thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN:

a) Là người quản lý doanh nghiệp (thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) có hưởng tiền lương.

b) Là người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn; hợp đồng lao động xác định thời hạn; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên trước ngày 01/01/2018; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên kể từ ngày 01/01/2018 đã giao kết với công ty cổ phần sau chuyển đổi.

1.2. Mức đóng, phương thức đóng BHXH, BHYT, BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH; Luật BHYT; Luật Việc làm; Luật An toàn, vệ sinh lao động.

1.3. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN

a) Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với người quản lý doanh nghiệp, người làm việc theo hợp đồng lao động tại công ty cổ phần sau chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định. Công ty cổ phần sau chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng thang lương, bảng lương và quyết định thang lương, bảng lương đối với lao động quản lý, lao động chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh, phục vụ làm căn cứ thỏa thuận để trả lương và tính đóng BHXH, BHYT, BHTN.

b) Trường hợp công ty cổ phần mới được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập chưa hoàn thành xây dựng thang lương, bảng lương và thỏa thuận mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác thì:

- Thực hiện tạm thu BHXH, BHYT, BHTN trên tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN của công chức, viên chức và người làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại tháng cuối cùng trước khi chuyển đổi (ghi bằng tiền đồng Việt Nam, không ghi theo hệ số lương), không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

- Khi công ty hoàn thành việc phê duyệt thang lương, bảng lương và thỏa thuận mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác thì điều chỉnh mức thu BHXH, BHYT, BHTN của người lao động đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm đóng đủ số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN và tiền lãi chậm đóng (nếu có) đến thời điểm chấm dứt hoạt động và chuyển đổi thành công ty cổ phần. Trường hợp hợp đến thời điểm chấm dứt hoạt động và chuyển đổi thành công ty cổ phần vẫn còn nợ tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN thì BHXH tỉnh có trách nhiệm đôn đốc

thu số tiền nợ bàn giao và số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN phát sinh theo quy định.

1.5. Thủ tục, hồ sơ, quy trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo Quy định quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT hiện hành.

2. Thu BHXH đối với người lao động dôi dư

Công chức, viên chức, người làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại tháng cuối cùng trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần đủ tuổi nghỉ hưu (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu, khi đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị và thực hiện đóng thì cơ quan BHXH tỉnh, thành phố thực hiện thu BHXH một lần cho thời gian còn thiếu vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề tháng trước khi người lao động nghỉ việc nhân với số tháng còn thiếu.

II. Về ghi, xác nhận vào sổ BHXH

Thực hiện theo quy định hiện hành, riêng đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg được hưởng chính sách như đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP và Tiết b, Khoản 6, Điều 3 Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP thì nội dung ghi trên tờ rời sổ BHXH như sau:

Cột 1, cột 2 “Từ tháng năm”, “Đến tháng năm”: Đánh dấu chữ (X).

Cột 3 “Diễn giải” phía trên cùng, các nội dung diễn giải ghi nội dung:

“Ngày .../.../....., đóng BHXH bắt buộc một lần cho thời gian còn thiếu là ... tháng”.

Cột 4 “Căn cứ đóng”: Ghi số tiền phải đóng hàng tháng.

Cột 5 “Tỷ lệ đóng (%)”: 22%.

III. Về thực hiện chế độ BHXH

Thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Công văn số 67/BHXH-CSXH ngày 07/01/2016 của BHXH Việt Nam.

Riêng việc ban hành quyết định hưởng chế độ hưu trí theo mẫu quy định, bổ sung phần căn cứ đóng: “Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ” và thay cụm từ “Hưu trí” bằng cụm từ “HƯU TRÍ - QĐ 22” tại góc bên phải quyết định.

IV. Thời điểm thực hiện

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH, chính sách đối với người lao động dôi dư do chuyển đơn vị sự nghiệp công lập

thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 10/12/2016.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư từ ngày 10/12/2016 đến nay, thì căn cứ vào danh sách đã được phê duyệt và thời điểm đã tiếp nhận hồ sơ để giải quyết hưởng lương hưu theo quy định.

V. Tổ chức thực hiện

Để thực hiện tốt chế độ, chính sách BHXH đối với người lao động dôi dư do chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân căn cứ vào quy định của pháp luật về BHXH, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nghiệp vụ của BHXH Việt Nam và hướng dẫn tại văn bản này để tổ chức thực hiện kịp thời, thuận tiện, đảm bảo đúng quy định của chính sách.

Trung tâm Công nghệ thông tin: Căn cứ quy định của chính sách và hướng dẫn tại văn bản này để điều chỉnh bổ sung phần mềm liên quan đến việc thực hiện quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg; triển khai và hướng dẫn thực hiện phần mềm đến BHXH tỉnh.

Các đơn vị khác thuộc BHXH Việt Nam theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan theo quy định tại văn bản này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về BHXH Việt Nam để nghiên cứu, hướng dẫn./.

DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
03/QĐ-HĐQT-DVKT	26/03/2009	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
63/QĐ-DVKT	29/03/2010	Quy định chức năng, nhiệm vụ của người điều phối theo dõi HĐ bảo trì dài hạn Nhà máy điện Cà Mau giữa PVPS & Siemens	Hiệu lực kể từ ngày ký
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
52/QĐ-HĐQT.PVPS	04/10/2010	Quy trình công bố thông tin của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
33/QĐ-HĐQT-DVKT	20/05/2011	Quy chế đào tạo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
119/QĐ-HĐQT-DVKT	13/08/2013	Quy chế Tài chính sửa đổi của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký

140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chấm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Nguyễn Thị Thu Huyền
Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long
Email : pth@pvps.vn/huyenntt@pvps.vn
Điện thoại : 04.37878186 (ext: 213)
Fax : 04. 37878185